

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-3-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng kinh tế.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc H, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2020/TLST-KDTM ngày 02/12/2020 về Tranh chấp về hợp đồng kinh tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- KDTM ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên B;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, ngách 09, ngõ 12, đường Mê Linh, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

*. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 13, ngõ 8, đường K, quận T, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/8/2020 của ông Phạm Quảng N, chức vụ: Giám đốc Công ty), có mặt;

*. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Một thành viên B:* Ông Bùi Quốc H và ông Tạ Duy T, Luật sư của Công ty Luật TNHH B, thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội, có mặt;

Địa chỉ: Số 166 phố T, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty TNHH C;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 33, đường Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Liu Xiao H, Quốc tịch: T, chức vụ: Giám đốc Công ty, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C;

Địa chỉ: Lô C5 - 1, Khu công nghiệp B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

**. Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Việt D, sinh năm 1991; chức vụ: Phó phòng hành chính Công ty và bà Phan Thị H, sinh năm 1996; chức vụ: Nhân viên pháp chế Công ty (theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2021 của ông Yan W, Quốc tịch: T, chức vụ: Chủ tịch Công ty TNHH C), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên B trình bày:*

Ngày 10/10/2019, Công ty TNHH MTV B và Công ty TNHH C có ký Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV với các nội dung: Công việc và sản phẩm của hợp đồng: Thi công trọn gói bao gồm cung cấp vật tư, tiến độ, chất lượng, an toàn nghiệm thu công trình an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) dự án công trình nhà máy C; tổng giá trị hợp đồng sau thuế: 5.456.000.000 đồng; chi phí phát sinh (nếu có); phương thức và điều kiện thanh toán: Lần 01 thanh toán 30% tổng giá trị hợp đồng với số tiền là 1.636.800.000 đồng, Lần 02 thanh toán 50% tổng giá trị hợp đồng trong thời hạn 05 ngày với số tiền là 2.728.000.000 đồng và Lần 03 thanh toán 20% tổng giá trị hợp đồng trong thời hạn 05 ngày sau khi nghiệm thu hệ thống PCCC đồng thời bên B chuyển giao cho bên A Giấy phép chứng nhận PCCC đủ điều kiện để sản xuất với số tiền là 1.091.200.000 đồng.

Thực hiện nội dung Hợp đồng hai bên đã ký kết, Công ty B đã tổ chức triển khai thực hiện các công việc theo đúng nội dung của Hợp đồng, các hạng mục công trình trong hợp đồng đã được thực hiện và đã được nghiệm thu quyết toán và bàn giao cho Công ty TNHH C và chủ Đầu tư là Công ty TNHH C. Hiện công trình đã được

chủ đầu tư Dự án đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, Công ty TNHH C vẫn chưa thanh toán đủ số tiền do hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại biên bản họp giải quyết công nợ ngày 25/9/2020, xác định: Tổng giá trị hợp đồng là: 5.528.704.500 đồng; đã thanh toán là: 3.136.800.000 đồng; còn nợ là: 2.391.904.500 đồng.

Sau đó, Công ty TNHH MTV B đã đối chiếu toàn bộ việc thanh quyết toán công trình theo Hợp đồng do hai bên đã ký ngày 10/10/2019 thì Công ty TNHH C còn nợ Công ty TNHH MTV B tổng số tiền là: 2.319.200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, như sau:

- Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên B số tiền còn nợ là 2.319.200.000 đồng theo Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV ngày 10/10/2019;

- Về số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn thành phố Bắc Ninh gồm Ngân hàng Ngoại thương Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, lần lượt là $(7\% + 9\% + 8\%)$ /năm: $3 \times 150\% = 12\%$ /năm (tức 1%/tháng). Thời gian tính lãi từ ngày 25/9/2020 (ngày chốt nợ) đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/3/2022), cụ thể như sau: $2.319.200.000 \text{ đồng} \times 12\%/năm \times 18 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 419.775.200 \text{ đồng}$.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng: Nguyên đơn đề nghị rút và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

+ . Còn đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị nghiệm thu khối lượng thực tế giữa B và Cừ Giang Hội tại nhà máy Cosonic để có căn cứ giải quyết khoản nợ trong vụ án với nguyên đơn thì nguyên đơn có ý kiến: Qua xác minh tại Chủ đầu tư Dự án là Công ty TNHH C đã thanh toán toàn bộ giá trị Công trình do nguyên đơn đã thi công xong theo Hợp đồng hai bên đã ký cho Công ty TNHH C và hiện Chủ đầu tư không còn khiếu nại gì về chất lượng công trình do nguyên đơn thi công. Ngoài ra, Công ty TNHH C đã cung cấp tài liệu nghiệm thu thanh quyết toán, đã đồng ý và thực tế đã thanh toán theo hồ sơ nghiệm thu đó cho Công ty TNHH C nhưng Công ty TNHH Cừ Giang Hội chưa thanh toán nợ cho nguyên

đơn. Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên B đề nghị Công ty Cừ Giang Hội sắp xếp thành phần hội đồng nghiệm thu, thời hạn nghiệm thu bằng văn bản để Tòa án tổ chức cùng nguyên đơn tiến hành theo quy định nhưng bị đơn không thực hiện.

Về yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa án tiến hành Trưng cầu giám định một số tài liệu do Công ty TNHH C cung cấp thì nguyên đơn có ý kiến: Hành động trên là cố tình kéo dài thời gian để chậm thanh toán cho nguyên đơn vì Công ty TNHH C đã đồng ý nghiệm thu khối lượng công trình tại Công ty TNHH C, đã nhận tiền theo khối lượng nghiệm thu đó mà hai năm nay không thanh toán cho nguyên đơn là người trực tiếp thi công. Hơn nữa kết quả giám định có như thế nào cũng không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Tòa án, đây là vấn đề của Công ty TNHH C với Công ty TNHH Cừ Giang Hội.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Luật TNHH Tài Trung do bà Dương Thị Hương, Luật sư, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TNHH Tài Trung trình bày:

Thừa nhận các nội dung trên mà nguyên đơn trình bày, nhưng giữ nguyên quan điểm nghiệm thu khối lượng thực tế giữa B và Cừ Giang Hội tại nhà máy Cosonic để có căn cứ giải quyết khoản nợ trong vụ án với nguyên đơn. Bị đơn xác định đã nhận các tài liệu liên quan đến nghiệm thu và thanh quyết toán giữa Công ty TNHH C với Công ty TNHH C theo yêu cầu cung cấp của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Tòa án tiến hành Trưng cầu giám định một số tài liệu do Công ty TNHH C cung cấp theo Đơn yêu cầu Trưng cầu giám định đề ngày 26/11/2021 nộp cho Tòa án (bị đơn cũng xác định ngoài Đơn yêu cầu Trưng cầu giám định gửi Tòa án thì bị đơn chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH C trình bày:

Công ty TNHH C xác định giữa Công ty TNHH C với Công ty TNHH C đã nghiệm thu và thanh quyết toán theo hợp đồng xây dựng nhà xưởng giữa hai bên như người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên B trình và nay xác định đã giao nộp

đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng như đã gửi cho nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng xác định Công ty TNHH C đã chấp nhận hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán và đã thanh toán theo bộ hồ sơ này với Công ty TNHH C và nay hai bên không có gì tranh chấp.

Ngoài ra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị:

+. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên B số tiền còn nợ là 2.319.200.000 đồng theo Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV ngày 10/10/2019 và số tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 25/9/2020 (ngày chót nợ) đến ngày Công ty TNHH C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/3/2022) là 419.775.200 đồng; tổng cộng là 2.738.975.200 đồng.

+. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

+. Về án phí và lệ phí: Buộc Công ty TNHH C phải chịu tiền án phí và lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 07/02/2022, người đại diện hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 07/3/2022, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn đơn phương chấm dứt thực hiện việc ủy quyền (quy định tại điểm d

khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Dân sự) nên người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa do đó Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa mở lại hôm nay, đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty TNHH C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Xét thấy, Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV ngày 10/10/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH Một thành viên B và Công ty TNHH C là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với các quy định của Luật Thương mại.

Xét thấy, ngày 25/9/2020 giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên B và đại diện hợp pháp của bị đơn (trong đó có đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Luật TNHH Tài Trung do bà Dương Thị Hương, Luật sư, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TNHH Tài Trung) là Công ty TNHH C đã ký biên bản hợp giải quyết công nợ, xác định: Tổng giá trị hợp đồng là: 5.528.704.500 đồng; đã thanh toán là: 3.136.800.000 đồng; còn nợ là: 2.391.904.500 đồng.

Sau đó, Công ty TNHH MTV B đã đòi chiếu toàn bộ việc thanh quyết toán công trình theo Hợp đồng do hai bên đã ký ngày 10/10/2019 thì Công ty TNHH C còn nợ Công ty TNHH MTV B tổng số tiền là: 2.319.200.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên B số tiền còn nợ là 2.319.200.000 đồng theo Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV ngày 10/10/2019. Nhận thấy, yêu cầu này của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ nên cần chấp nhận là phù hợp với các Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182 và Điều 183 của Luật Thương mại.

- Về số tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 25/9/2020 (ngày chốt công nợ) đến ngày Công ty TNHH C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán: Nhận thấy, yêu cầu này của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại; cụ thể: Về số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn thành phố Bắc Ninh gồm Ngân hàng Ngoại thương Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt

Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện tại, lần lượt là $(7\% + 9\% + 8\%)/\text{năm}$: $3 \times 150\% = 12\%/\text{năm}$ (tức $1\%/\text{tháng}$). Thời gian tính số tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 25/9/2020 (ngày chốt nợ) đến ngày Công ty TNHH C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/3/2022): $2.319.200.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 18 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 419.775.200 \text{ đồng}$.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng: Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút và đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*. Còn đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị nghiệm thu khối lượng thực tế giữa B và Cừ Giang Hội tại nhà máy Cosonic để có căn cứ giải quyết khoản nợ trong vụ án với nguyên đơn thì thấy: Chủ đầu tư Dự án là Công ty TNHH C đã thanh toán toàn bộ giá trị Công trình do nguyên đơn đã thi công xong theo Hợp đồng hai bên đã ký cho Công ty TNHH C và hiện Chủ đầu tư không còn khiếu nại gì về chất lượng công trình do nguyên đơn thi công. Ngoài ra, Công ty TNHH C đã cung cấp tài liệu nghiệm thu thanh quyết toán, đã đồng ý và thực tế đã thanh toán theo hồ sơ nghiệm thu đó cho Công ty TNHH C nhưng Công ty TNHH Cừ Giang Hội chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn. Hơn nữa, Công ty TNHH Một thành viên B đề nghị Công ty Cừ Giang Hội sắp xếp thành phần hội đồng nghiệm thu, thời hạn nghiệm thu bằng văn bản để Tòa án tổ chức cùng nguyên đơn tiến hành theo quy định nhưng bị đơn không thực hiện, nên yêu cầu này của bị đơn không phù hợp, do đó không chấp nhận.

Về yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa án tiến hành Trưng cầu giám định một số tài liệu do Công ty TNHH C cung cấp theo Đơn yêu cầu Trưng cầu giám định đề ngày 26/11/2021 nộp cho Tòa án (nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án để làm căn cứ); sau đó Tòa án cũng đã có Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn cũng không cung cấp nên Tòa án đã có Thông báo từ chối Trưng cầu giám định. Hơn nữa kết quả giám định có kết quả như thế nào cũng không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Tòa án, đây là vấn đề của Công ty TNHH C với Công ty TNHH Cừ Giang Hội. Do đó, không đề cập xem xét.

[3] Về án phí và lệ phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí và lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên B số tiền còn nợ là 2.319.200.000 đồng theo Hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy số: 05102019/PCCC/COSONIC-BV ngày 10/10/2019 và số tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 25/9/2020 (ngày chốt nợ) đến ngày Công ty TNHH C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/3/2022) là 419.775.200 đồng; tổng cộng là **2.738.975.200** đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

*. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc Công ty TNHH C phải chịu 86.779.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH Một thành viên B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên B 39.192.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000746 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

*. Về lệ phí: Buộc Công ty TNHH C phải trả Công ty TNHH Một thành viên B 5.000.000 đồng tiền lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Văn Tuyên

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyên